

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2023/HS-ST

Ngày 28-12-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Doãn Thị Lệ và ông Nguyễn Bá Lý.

- Thư ký phiên tòa:

Ông Phạm Quang Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 206/2023/TLST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2023/HSST-QĐ ngày 14 tháng 12 năm 2023, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 15 tháng 02 năm 1982 tại tỉnh Gia Lai; nơi cư trú: Số nhà 2 đường P, tổ 03, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn L (đã chết) và bà: Trần B (đã chết); có vợ là: Nguyễn Thị P; có 02 con, sinh năm 2008 và 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt theo lệnh truy nã lúc 10 giờ 40 ngày 16-8-2023 và bị tạm giữ cùng ngày 16-8-2023 đến 19-8-2023, sau đó bị tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1991; địa chỉ: Số 420A C, tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1981; địa chỉ: Số 52 L, tổ 3, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

-Người làm chứng:

Anh Vũ D, sinh năm 1997; địa chỉ: Số 1672 T, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

Bà Đặng Thị P, sinh năm 1983; địa chỉ: Số 6 Nguyễn T, tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sau khi ly hôn vợ là chị Nguyễn Thị P vào ngày 07-12-2020, Nguyễn Văn T có 01 lô đất tại tổ 04, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số C0703.. (sau đây viết tắt là: GCNQSDĐ) đối với thửa đất số 248, tờ bản đồ số 25, diện tích 164,3 m² đất trồng cây hàng năm khác, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai đã cấp ngày 04-02-2021. Đến ngày 16-8-2021, T và chị P đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố P nhưng thửa đất trên là tài sản riêng của Nguyễn Văn T.

Do đầu tư Cổ phiếu bị thua lỗ nên ngày 19-3-2022, T ký hợp đồng chuyển nhượng lô đất nêu trên cho bà Đặng Thị P, công chứng tại Văn phòng Công chứng Đ. Sau đó, T giao bản gốc GCNQSDĐ số CU 070345 cho bà P để làm thủ tục sang tên và đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai chỉnh lý sang tên cho bà Đặng Thị P vào ngày 07-6-2022. Trước khi giao bản gốc GCNQSDĐ cho bà P thì T đã lấy điện thoại di động chụp hình ảnh giấy chứng nhận đó lưu vào điện thoại. Đến khoảng đầu tháng 5-2022, T lên mạng xã hội Facebook (không nhớ tên chủ tài khoản) đặt làm giả 01 GCNQSDĐ theo thông tin và số hiệu giống như thật. Một tuần sau có một người phụ nữ (không rõ nhân thân) đến nhà T giao GCNQSDĐ giả cho T thì T đưa 10.000.000 đồng cho người phụ nữ đó. Ngày 21-5-2022, T đem GCNQSDĐ giả đến tiệm cầm đồ F81 có địa chỉ tại số 420A T phường C, thành phố P, do anh Nguyễn Văn Đ làm chủ, để thế chấp vay tiền; anh Đ kiểm tra thấy lô đất ở vị trí trùng khớp thông tin trên GCNQSDĐ nên đồng ý và nói nhân viên là anh Vũ D lập hợp đồng cầm cố cho T vay số tiền 30.000.000 đồng, với mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 30 ngày. Sau khi ký hợp đồng, anh Đ đã chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng cho Nguyễn Văn T. Ngày 09-6-2022, T đến tiệm cầm đồ của anh Đ trả số tiền gốc và lãi là: 31.200.000 đồng rồi nhận GCNQSDĐ giả về. Đến ngày 14-6-2022, T tiếp tục đem GCNQSDĐ giả nêu trên đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn Đ để vay số tiền 30.000.000 đồng. Do tin tưởng GCNQSDĐ trước đây T đã thế chấp là thật nên anh Đ đồng ý và nói anh Vũ D lập hợp đồng cầm cố GCNQSDĐ với mức lãi suất và thời hạn vay giống như lần trước và anh Đ đưa 30.000.000 đồng cho T vay.

Đến hạn, T không đến trả tiền để nhận lại GCNQSDĐ, anh Đ liên lạc cho T không được. Do đó, anh Đ đã đem GCNQSDĐ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai kiểm tra thì phát hiện GCNQSDĐ này là giả nên anh Đ làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T, đồng thời giao nộp GCNQSDĐ giả cùng với Hợp đồng cầm cố cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố P để điều tra xử lý.

Kết luận giám định số: 346/KL-KTHS ngày 14-4-2023 của phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “*GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT có mã số hiệu CU 070345 mẫu cần giám định (ký hiệu A) là giả*”.

Kết luận giám định số: 438/KL-KTHS ngày 26-5-2023 của phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: “*Chữ ký, chữ viết họ tên “Nguyễn Văn T” dưới mục “BÊN CẦM CỐ THỂ CHẤP (Ký và ghi rõ họ tên)” trên 02 (hai) “HỢP ĐỒNG CẦM CỐ” ngày 21/5/2022 và 14/6/2022, mẫu cần giám định (Ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn T trên các mẫu so sánh (Ký hiệu từ M1 đến M4) do cùng một người ký và viết ra*”.

Cáo trạng số: 06/CT-VKS, ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P truy tố Nguyễn Văn T về các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174; và tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Bị hại đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều: 38, 50, 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn T: Từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; và từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; tổng hợp hình phạt của 02 tội buộc Nguyễn Văn T phải chịu một hình phạt chung từ 04 năm đến 05 năm tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 30 triệu đồng. Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo pháp luật tố tụng hình sự. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện Kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ căn cứ kết luận: Do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân cho nên ngày 19-3-2022, Nguyễn Văn T đã chuyển nhượng lô đất của riêng mình theo GCNQSDĐ số C 070... cho bà Đặng Thị P, được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P, tỉnh Gia Lai chỉnh lý sang tên cho bà Đặng Thị P vào ngày 07-6-2022. Trước khi chuyển nhượng đất cho bà P thì T đã dùng điện thoại di động chụp hình ảnh GCNQSDĐ gốc lưu vào điện thoại. Đến khoảng đầu tháng 5-2022, T lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 GCNQSDĐ với giá 10.000.000 đồng. Ngày 21-5-2022, T đem GCNQSDĐ giả đến tiệm cầm đồ F81 tại số 420A T, phường C, thành phố P, do anh Nguyễn Văn Đ làm chủ, để thế chấp vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 30 ngày. Ngày 09-6-2022 (chưa đến hạn trả tiền), T đến tiệm cầm đồ của anh Đ trả số tiền gốc và lãi là: 31.200.000 đồng rồi nhận GCNQSDĐ giả về. Ngày 14-6-2022, T tiếp tục đem GCNQSDĐ giả nêu trên đến tiệm cầm đồ của anh Nguyễn Văn Đ để cầm cố và vay số tiền 30.000.000 đồng với mức lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, thời hạn 30 ngày. Khi đến hạn trả tiền, anh Đ liên lạc cho T nhưng không được. Do đó, anh Đ đã đem GCNQSDĐ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Gia Lai kiểm tra thì phát hiện GCNQSDĐ này là giả nên anh Đ làm đơn tố cáo Nguyễn Văn T, đồng thời giao nộp GCNQSDĐ giả cùng với Hợp đồng cầm cố, cho Cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố P để điều tra xử lý. Ngày 16-8-2023, Nguyễn Văn T bị bắt theo Quyết định truy nã.

Hành vi thuê người khác làm giả GCNQSDĐ nhằm mục đích sử dụng cầm cố vay và chiếm đoạt tiền của người khác để sử dụng vào mục đích cá nhân, do Nguyễn Văn T thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính nhà nước, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản và trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do đó, đã đủ căn cứ tuyên bố Nguyễn Văn T phạm các tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” được quy định tại các Điều: 174, 341 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xem xét tình tiết liên quan đến quyết định hình phạt:

Đối với tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” thì bị cáo Nguyễn Văn T đã sử dụng giấy tờ giả để cầm cố, chiếm đoạt của bị hại số tiền 30.000.000 đồng nên hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng là “*Sử dụng tài liệu thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng*” và bị xét xử ở điểm d khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Đối với tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” thì bị cáo không phạm tình tiết định khung tăng nặng nên bị xét xử ở khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn cho công tác điều tra và xử lý tội phạm; bị cáo chưa khắc phục hậu quả cho bị hại.

Trong quá trình điều tra, truy tố, cũng như tại phiên tòa, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng đã thành khẩn khai báo về hành vi của cả hai tội; bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với tính chất của vụ án và các tình tiết về nhân thân của bị cáo như đã phân tích ở các luận điểm nêu trên, cần thiết phải xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo; phù hợp với nhận định, đánh giá của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay. Việc áp dụng hình phạt và biện pháp giáo dục khác không có tác dụng răn đe, giáo dục, nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại số tiền 30.000.000 đồng, là có căn cứ nên được Tòa án chấp nhận.

[5] Án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Hành vi khác có liên quan trong vụ án:

Bị cáo T có hành vi gian dối là sử dụng GCNQSDĐ giả để cầm cố vay số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 21-5-2022, thời hạn vay 30 ngày nhưng khi chưa đến hạn thì T không có ý thức chiếm đoạt số tiền này nên đã trả hết số tiền gốc và lãi suất vay cho anh Nguyễn Văn Đ. Do đó, không có căn cứ để buộc Nguyễn Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự về lần vay tiền này.

Quá trình điều tra không xác định được trang Facebook mà Nguyễn Văn T đã đăng nhập vào đặt làm giả GCNQSDĐ, cũng như người phụ nữ đã giao GCNQSDĐ giả cho bị cáo T nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn Đ cho T vay 30.000.000 đồng, do hai bên tự nguyện thỏa thuận lãi suất 2.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày, tương đương với 73%/năm là chưa đủ định lượng về số tiền thu lợi bất chính, cũng như mức lãi suất chưa đến 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự. Do đó, hành vi của anh Nguyễn Văn Đ, không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Thanh đặt làm giả GCNQSDĐ rồi dùng để vay tiền và chiếm đoạt tiền của anh Nguyễn Văn Đ thì chị P không biết nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm đối với chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm các tội: “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” và “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

2. Điều luật và hình phạt:

-Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 174; các Điều: 38, 50; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự ;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm tù về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; và 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu hình phạt chung là: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ là ngày 16 tháng 8 năm 2023.

3. Bồi thường dân sự:

-Áp dụng các Điều: 275, 276, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự;
Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ, số tiền là: 30.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Án phí sơ thẩm:

-Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; và Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Kháng cáo:

-Căn cứ vào các Điều: 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28-12-2023).

Nơi nhận:

- VKSND TP. P;
- Công an thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Sở Tư pháp Gia Lai;
- Bị cáo; -Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Thường